



CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG KINH TẾ VEN BIỂN MIỀN TRUNG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Lâm Nguyễn Hoài Diễm¹

Ngày nhận bài: 05/3/2024

Ngày chấp nhận đăng: 20/6/2024

Tóm tắt: Vùng ven biển miền Trung bao gồm vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Vùng có 14 tỉnh, thành phố thì tất cả đều có biển, trong đó có nhiều bãi biển, đảo rất đẹp, nhiều tài nguyên vào loại nhất cả nước. Phát huy tốt vị thế, tiềm năng của vùng sẽ góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn, nâng cao sức mạnh chiến đấu, bảo vệ vững chắc nền độc lập, chủ quyền của Tổ quốc. Hiện nay, miền Trung có rất nhiều tiềm năng về biển, phát triển kinh tế biển mà không một vùng nào có được. Tuy nhiên, để hướng tới sự phát triển, các tỉnh ven biển miền Trung đang gặp phải nhiều khó khăn và thách thức. Bài tạp chí này sẽ trình bày thực trạng cũng như cơ hội và thách thức để phát triển vùng kinh tế biển miền Trung trong thời gian tới.

Từ khóa: cơ hội, thách thức, phát triển, kinh tế ven biển, miền Trung

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES IN DEVELOPING THE CENTRAL COASTAL ECONOMIC REGION IN THE CURRENT PERIOD

Abstract: The Central Coastal region, including the North Central region and the Central Coast, has a particularly important position in the strategy of developing the marine economy, firmly protecting the sovereignty of the sea and islands of the Fatherland. The region has 14 provinces and cities, all of which have seas, including many beautiful beaches and islands, with some of the best resources in the country. Promoting the position and potential of the region will contribute to maintaining political stability, socio-economic development, consolidating national defense and security in the area, enhancing combat power, and firmly protecting the independence and sovereignty of the Fatherland. Currently, the Central region has a lot of potential for marine and marine economic development that no other region has. However, to move towards development, the Central coastal provinces are facing many difficulties and challenges. This magazine article will present the current situation as well as opportunities and challenges for developing the Central Coastal economic region in the coming time.

Keywords: opportunities, challenges, development, coastal economy, Central region.

1. Đặt vấn đề

Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến. Miền Trung là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn

¹ Khoa Kinh tế - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Đây là mặt tiền của quốc gia, khúc ruột của Tổ quốc, cửa ngõ ra biển, bệ đỡ cho các tỉnh Tây Nguyên, kết nối hành lang kinh tế Đông Tây với đường hàng hải, hàng không quốc tế.

Thời gian qua, vùng kinh tế ven biển miền Trung đạt nhiều thành tựu quan trọng, diện mạo có nhiều thay đổi, dần trở thành khu vực phát triển khá năng động, cầu nối quan trọng của cả nước trong hợp tác và hội nhập quốc tế. Một số địa phương vươn lên mạnh mẽ, từng bước trở thành cực tăng trưởng, hướng tới là trung tâm của vùng và các tiểu vùng.

Tuy nhiên, so với chỉ số trung bình cả nước, miền Trung vẫn có nhiều chỉ số phát triển thấp. Các cực tăng trưởng và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chưa thể hiện vai trò là động lực, đầu tàu dẫn dắt. Lợi thế về kinh tế biển chưa được khai thác hợp lý để trở thành nội lực quan trọng cho phát triển (Dũng, 2022).

Vì vậy, việc phân tích các cơ hội và thách thức nhằm đưa ra các giải pháp phát triển vùng kinh tế ven biển miền Trung có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn, có thể làm tài liệu tham khảo cho lãnh đạo, chính quyền các địa phương ven biển miền Trung trong việc xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy sự phát triển hơn nữa vùng kinh tế ven biển miền Trung trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu: thống kê – mô tả, phân tích – tổng hợp, so sánh để đánh giá thực trạng phát triển vùng kinh tế ven biển miền Trung, dựa trên nguồn số liệu thứ cấp thu thập được từ niên giám thống kê của các địa phương ven biển miền Trung trong giai đoạn 2001 - 2022. Thông qua việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu trên, tác giả cũng đưa ra đánh giá về những cơ hội và thách thức xung quanh vấn đề phát triển kinh tế tại vùng kinh tế ven biển miền Trung để từ đó có thể tận dụng cơ hội và loại bỏ thách thức để phát triển mạnh hơn trong thời gian tới.

3. Thực trạng phát triển vùng kinh tế ven biển miền Trung

Vùng biển miền Trung bao gồm vùng biển của 14 tỉnh, thành phố trải dài từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, chiếm 50% tổng số tỉnh, thành phố có biển của cả nước (14/28 tỉnh, thành phố); là địa bàn có vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế biển. Để khắc phục những khó khăn, vượt qua thách thức, tận dụng, phát huy được tiềm năng, lợi thế của biển, làm giàu từ biển, cần các giải pháp đồng bộ để phát triển kinh tế biển miền Trung (Hòa, 2022).

Vùng biển miền Trung là mặt tiền biển của Việt Nam, chiếm 50% số tỉnh giáp biển của cả nước (14/28 tỉnh, thành phố) với chiều dài đường bờ biển 1.900 km, chiếm gần 60% chiều dài bờ biển cả nước, là vùng có vị trí đặc biệt quan trọng trong thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW. Các lĩnh vực, ngành kinh tế biển và ven biển của vùng miền Trung đang tập trung phát triển là: du lịch và dịch vụ biển; phát triển các cảng biển nước sâu trung chuyên quốc tế, cảng biển chuyên dụng gắn với các khu liên hợp công nghiệp; khai thác, chế biến dầu khí; nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo.

Vùng kinh tế miền Trung có 5 tỉnh kinh tế trọng điểm (Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Đà Nẵng), có nhiều lợi thế về vị trí chiến lược bao gồm nguồn nhân lực, 17 cảng biển, 15 khu kinh tế, 22 khu công nghiệp, 2 khu chế xuất, 8 sân bay, 2 xa lộ xuyên Việt, hành lang kinh tế Đông Tây và những dự án hàng chục tỷ USD (T. Phong, 2022). Tuy nhiên, hiện nay các tiềm năng sẵn có đó vẫn chưa phát huy được lợi thế kinh tế vùng miền nói chung khi các tỉnh, thành đều có những ưu thế nhưng chưa được quy hoạch tổng thể, đang còn tồn tại sự phát triển lao động sản xuất manh mún, tự phát. Các cảng biển nước sâu Chân Mây (Thừa Thiên Huế), Kỳ Hà (Quảng Nam), Dung Quất (Quảng Ngãi), Tiên Sa (TP. Đà Nẵng) và Vũng Áng - Sơn Dương (Hà Tĩnh) không được hoạt động hết công suất tối đa. Các khu công nghiệp – khu chế xuất đang trong tình trạng thiếu vắng các doanh nghiệp trong và ngoài nước chú trọng, quan tâm đầu tư.

Ngày nay, biển và kinh tế biển ngày càng đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, cũng như trong vấn đề an ninh quốc gia. Việt Nam được đánh giá là quốc

gia có tiềm năng và lợi thế về biển, cứ mỗi 100 km² diện tích lãnh thổ, Việt Nam có gần 1 km chiều dài bờ biển, chỉ số này gấp 6 lần chỉ số trung bình toàn cầu. Đây là chỉ số thuộc loại cao hàng đầu của thế giới, góp phần khẳng định Việt Nam thực sự là quốc gia biển và có nhiều tiềm năng, lợi thế từ biển (Ngọc, 2022).

Miền Trung có rất nhiều tiềm năng, lợi thế về biển, phát triển kinh tế biển mà không một vùng nào có được. Những năm qua, các tỉnh, thành phố miền Trung đều đã có nhiều chủ trương, chính sách và dành một nguồn lực rất lớn để đầu tư phát triển kinh tế biển, nhờ đó, diện mạo của vùng miền Trung đã có nhiều thay đổi tích cực và vùng đang trở thành một khu vực phát triển khá năng động, một đầu cầu quan trọng của cả nước trong hợp tác và hội nhập quốc tế. Một số địa phương trong vùng đã khai thác, tận dụng và phát huy tiềm năng, lợi thế về kinh tế biển để vươn lên mạnh mẽ, từng bước trở thành các cực tăng trưởng, hướng tới là trung tâm của vùng và các tiểu vùng. Khoảng cách phát triển của vùng so với mức trung bình của cả nước đang dần được thu hẹp. Văn hóa, xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực ngày càng được nâng cao (Q.Đ, 2022).

Bảng 1: Các chỉ số mục tiêu và thực tế trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế ven biển miền Trung

CHỈ SỐ	MỤC TIÊU	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC
Tốc độ tăng trưởng kinh tế	8%/năm (2011 – 2015) 9%/năm (2016 – 2022)	7,46%/năm (2011 – 2015) 8,99%/năm (2016 – 2022)
GRDP bình quân đầu người	3.600 USD (2022)	2.827 USD (2022)
Tỷ trọng các ngành nông nghiệp trong GRDP	5,4% (năm 2015) 4,5% (năm 2022)	4,3% (năm 2015) 4,1% (năm 2022)
Tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng trong GRDP	44,5% (năm 2015) 45% (năm 2022)	32,9% (năm 2015) 34,9% (năm 2022)
Tỷ trọng các ngành thương mại trong GRDP	40,5% (năm 2015) 43% (năm 2022)	49,1% (năm 2015) 49,7% (năm 2022)
Tỷ trọng các ngành dịch vụ trong GRDP	9,6% (năm 2015) 10,5% (năm 2022)	13,7% (năm 2015) 11,3% (năm 2022)
Tỷ lệ đóng góp ngân sách cả nước	6,5% (năm 2015) 7,5% (năm 2022)	6,2% (năm 2015) 5,7% (năm 2022)
Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu	18% (2011 – 2015) 20% (2016 – 2022)	14,4% (2011 - 2015) 16,9% (2016 – 2022)
Tổng dân số	6,5 triệu (năm 2015) 6,9 triệu (năm 2022)	6,32 triệu (năm 2015) 6,55 triệu (năm 2022)
Dân số đô thị	2,7 triệu (năm 2015) 3,4 triệu (năm 2022)	2,48 triệu (năm 2015) 2,62 triệu (năm 2022)
Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh	95% (năm 2022)	96% (năm 2022)
Độ che phủ rừng	47% (năm 2022)	53% (năm 2022)

Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê các địa phương từ năm 2011- 2022

Qua bảng 1, ta thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng đều duy trì ở mức cao qua mỗi giai đoạn. Cụ thể, giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2022 lần lượt là 7,46%/năm và 8,99%/năm, trong khi đó, mức bình quân cả nước lần lượt là 5,90%/năm và 6,70%/năm.

Sự nỗ lực của từng địa phương trong vùng trong những thập kỷ qua đã biến vùng đất nghèo khó trước đây từng bước phát triển. GRDP của vùng (theo giá hiện hành) năm 2022 là 427 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 6,8% so với cả nước. GRDP bình quân đầu người của vùng năm 2022 đạt 2.827 USD (khoảng 66,9 triệu đồng), tương đương với bình quân chung của cả nước (T. Phong, 2022).

Tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại trong GRDP luôn đạt mức cao hơn so với ngành nông nghiệp và dịch vụ, đối với ngành công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 32,9% (năm 2015) và 34,9% (năm 2020) và ngành thương mại chiếm khoảng 49,1% (năm 2015) và 49,7% (năm 2022). Mặc dù tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại cao nhưng tỷ trọng đóng góp ngân sách cả nước là 6,2% năm 2015 và 5,7% năm 2022, một tỷ lệ khá thấp. Chỉ riêng Tp. Hồ Chí Minh đóng góp ngân sách là 27%, Hà Nội là 32%, cao hơn cả vùng miền Trung, như vậy cần cố gắng gia tăng tỷ lệ này trong tương lai (Tính, 2021).

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu là 14,4% năm 2015 và 16,9% năm 2022, đây là một tỷ lệ khá cao, cao hơn kim ngạch xuất khẩu cả nước là 10,6%, đây là tín hiệu đáng mừng cho vùng (Hà, 2021).

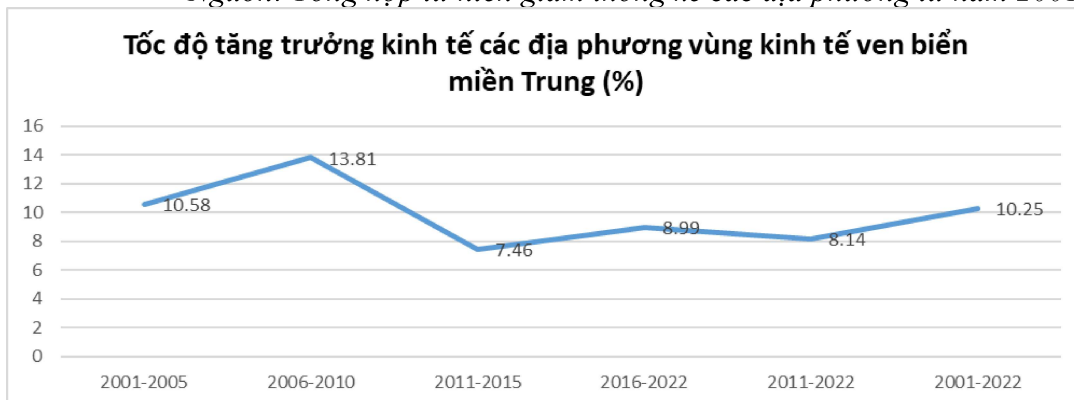
Tổng dân số là 6,32 triệu năm 2015 và 6,55 triệu năm 2020, trong giai đoạn 5 năm chỉ tăng 0,23 triệu (khoảng 3,6%), so với dân số cả nước là khoảng 97,5 triệu (năm 2022), chiếm khoảng 6,7% dân số cả nước, trong khi diện tích chiếm khoảng 45,5% diện tích cả nước, điều này cho thấy dân số trong vùng rất thưa thớt. Dân số đô thị chỉ chiếm khoảng 30%, còn nông thôn là 70%, do vậy có thể thấy tốc độ đô thị hóa ở vùng còn chậm, chưa phát triển.

Tỷ lệ người dân dùng nước sạch đạt 96% (năm 2022) là khá cao và độ che phủ rừng là 53% (năm 2022) cho thấy môi trường tự nhiên vẫn được bảo vệ (cả nước là 42%).

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế các địa phương vùng kinh tế ven biển miền Trung

Chỉ tiêu	GDP (%)					
	2001-2005	2006-2010	2011-2015	2016-2022	2011-2022	2001-2022
Toàn vùng	10,58	13,81	7,46	8,99	8,14	10,25
Cả nước	7,51	7,01	5,91	6,10	6,10	7,02

Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê các địa phương từ năm 2001 - 2022



Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế các địa phương vùng kinh tế ven biển miền Trung

Nguồn: Tổng hợp từ niên giám thống kê các địa phương

Qua bảng 2, ta thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế các địa phương vùng kinh tế ven biển miền Trung là khá cao 10,25%, cả nước trung bình chỉ đạt khoảng 7,02%. Đây là một tín hiệu đáng mừng cho vùng kinh tế miền Trung (Huong, 2018).

Bảng 3: Đóng góp của các doanh nghiệp có vốn FDI tại vùng kinh tế ven biển miền Trung

Đơn vị tính: triệu USD

CHỈ SỐ	2001-2005	2006-2010	2011-2015	2016-2022	2011-2022	2001-2022
Doanh thu	518	520	600	725	875	932
Xuất khẩu	355,63	377,89	451,825	507,21	662,5	761,2
Tỷ lệ xuất khẩu/ doanh thu (%)	68,65	72,67	75,3	69,96	75,7	81,67
Nộp ngân sách	53,35	52,25	60,5	79,75	77	82
Số lao động (lũy kế) (người)	71,985	100,255	102,500	114,000	124,000	138,211

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê các địa phương và cả nước giai đoạn 2001 đến 2022

Qua bảng 3, ta thấy tỷ lệ xuất khẩu/ doanh thu chiếm tỷ trọng cao và tăng đều qua các giai đoạn. Điều này cho thấy phần lớn sản phẩm sản xuất đều phục vụ nhu cầu xuất khẩu. Khoản nộp ngân sách và số lao động lũy kế tăng đều qua các năm từ 2001 đến 2022.

Bảng 4: Sản lượng nuôi trồng thủy sản của vùng kinh tế ven biển miền Trung*Đơn vị tính: tấn*

ĐỊA PHƯƠNG	2020	2021	2022	SO SÁNH 2021/2020		SO SÁNH 2022/2021	
				Giá trị	Tốc độ (%)	Giá trị	Tốc độ (%)
Thừa Thiên Huế	15.495	16.424	16.640	929	6	216	1,32
Đà Nẵng	836	993	1.056	157	18,78	63	6,34
Quảng Nam	25.855	26.700	27.300	845	3,27	600	2,25
Quảng Ngãi	6.399	5.260	4.766	(1.139)	(17,8)	(494)	(9,39)
Bình Định	9.444	10.247	11.412	803	8,5	1.165	11,37
Cả vùng miền Trung	57.193	58.631	61.174	1.438	2,51	2.543	4,34
Cả nước	3.892.971	4.153.800	4.380.000	260.829	6,7	226.200	5,45

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê các địa phương và cả nước giai đoạn 2020- 2022

Số liệu Bảng 4 cho thấy, sản lượng nuôi trồng thủy sản trong giai đoạn 2020-2022 tăng liên tiếp, tương ứng 2,51% vào năm 2021 và tăng lên 4,34% năm 2022. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản tập trung nhiều nhất tại tỉnh Quảng Nam, kế đến là Thừa Thiên Huế và tăng dần qua các năm. Riêng Quảng Ngãi có xu hướng giảm qua các năm, điều này gây khó khăn không ít cho kinh tế tỉnh Quảng Ngãi do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhu cầu nhập khẩu của thế giới cũng giảm mạnh và một vấn đề khác là do lũ lụt xảy ra. Trong các sản phẩm thủy sản thì tôm và cá đông lạnh là các sản phẩm chủ lực của vùng. Trong đó, tôm thẻ chân trắng được biết đến nhiều nhất, với các khu nuôi tập trung lớn.

Bảng 5: Sản lượng khai thác thủy sản của vùng kinh tế ven biển miền Trung*Đơn vị tính: tấn*

ĐỊA PHƯƠNG	2020	2021	2022	SO SÁNH 2021/2020		SO SÁNH 2022/2021	
				Giá trị	Tốc độ (%)	Giá trị	Tốc độ (%)
Thừa Thiên Huế	39.572	41.669	41.145	2.097	5,3	(524)	(1,26)
Đà Nẵng	35.273	36.247	37.636	974	2,76	1.389	3,83
Quảng Nam	84.505	88.350	92.200	3.845	4,55	3.850	4,36
Quảng Ngãi	229.691	234.740	246.477	5.049	2,2	11.737	5
Bình Định	221.035	232.971	245.620	11.936	5,4	12.649	5,43
Cả vùng miền Trung	610.076	633.977	663.078	23.901	3,92	29.101	4,59

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê các địa phương và cả nước giai đoạn 2020 - 2022

Bảng 5 cho thấy, trong giai đoạn 2020-2022, sản lượng khai thác thủy sản của cả vùng hầu như tăng lên qua từng năm. Trong đó, 2 tỉnh chiếm lượng khai thác lớn nhất vùng là Quảng Ngãi tăng 5.049 tấn vào năm 2021 và tăng 11.737 tấn vào năm 2022 và Bình Định tăng 11.936 tấn vào năm 2021 và tăng 12.649 vào năm 2022. Điều này cho thấy, tình hình khai thác thủy sản khả quan và được cải thiện qua các năm. Tuy nhiên, sản lượng khai thác của tỉnh Thừa Thiên Huế là sụt giảm (năm 2022 giảm 524 tấn), nguyên nhân là ảnh hưởng trực tiếp bởi sự cố môi trường tại cảng Vũng Áng của tỉnh Hà Tĩnh năm 2016.

Bảng 6: Sản lượng khai thác thủy sản của vùng kinh tế ven biển miền Trung*Đơn vị tính: tấn*

ĐỊA PHƯƠNG	2020	2021	2022	SO SÁNH 2021/2020		SO SÁNH 2022/2021	
				Giá trị	Tốc độ (%)	Giá trị	Tốc độ (%)
Thừa Thiên Huế	40,2	43,4	47,5	3	7,96	4	9,45
Đà Nẵng	93	196	206,22	3	1,55	10	5,21
Quảng Nam	26	28	31	2	7,69	3	10,71
Quảng Ngãi	16,2	17	20	1	4,94	3	17,65
Bình Định	74,5	79	82,7	5	6,04	4	4,68
Cả vùng miền Trung	349,9	363,8	387,43	14	3,97	24	6,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê các địa phương và cả nước giai đoạn 2020 - 2022

Số liệu Bảng 6 cho thấy, từ năm 2020 đến năm 2022, xuất khẩu thủy sản cả vùng tăng về giá trị và tốc độ, tương ứng là 3,97% và 6,50%. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu lớn nhất vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung vẫn chủ yếu tập trung tại Đà Nẵng, từ 93 triệu USD vào năm 2020 lên 196 triệu USD vào năm 2021 và lên 206,22 triệu USD vào năm 2022, tiếp đến là Bình Định, với thế mạnh là xuất khẩu cá ngừ đại dương sang Nhật Bản và châu Âu,... Hiện nay, sản phẩm thủy sản xuất khẩu của vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung đã có mặt trên 140 quốc gia và đang gia tăng về thị phần các năm qua.

Bảng 7: Kim ngạch xuất khẩu vùng kinh tế ven biển miền Trung giai đoạn 2020 - 2022

CHỈ SỐ	2020	2021	2022
Kim ngạch xuất khẩu thủy sản vùng (triệu USD)	349,9	363,8	387,42
Kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước (triệu USD)	8.316	8.802	8.600
Thị phần doanh nghiệp thủy sản vùng/ cả nước (%)	4,2	4,1	4,5
Thị phần doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản cả nước/ thế giới (%)	5,4	5,6	5,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê các địa phương và cả nước giai đoạn 2020 - 2022

Xét về kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả vùng, giai đoạn 2020-2022, thị phần xuất khẩu thủy sản vùng kinh tế ven biển miền Trung có dấu hiệu tăng ổn định cả về giá trị và thị trường ở bảng 7. Vùng ven biển miền Trung có 50% số tỉnh trong cả nước giáp biển (14/28) nhưng kim ngạch xuất khẩu thủy sản so với cả nước chỉ chiếm khoảng 4,5% năm 2022, đây là con số khá thấp. Nhà nước cần có cơ chế, chính sách và định hướng để tăng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của vùng trong thời gian tới.

4. Cơ hội và thách thức phát triển vùng kinh tế ven biển miền Trung

4.1. Về cơ hội

Một là, ngày 22-10-2018 Hội nghị Trung ương 8 khóa XII của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW “Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách định hướng đầu tư phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, quy mô lớn, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường biển, đảo và phòng, chống thiên tai. Các chủ trương của Đảng từng bước được thể chế hóa, đi vào thực tiễn, tiêu biểu như: Luật Biển Việt Nam năm 2012; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản”; Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Chỉ thị số 29/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/11/2021, “Một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý khu bảo tồn biển Việt Nam”,... Cụ thể nhất, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26-7-2022 “Phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030”. Cùng với đó, tại khu vực miền Trung sẽ có ba cụm liên kết ngành kinh tế biển thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ (Thung, 2023).

Hai là, ngày 22/09/2021 tổng thể quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam được Chính phủ phê duyệt, các tỉnh miền Trung có 9/15 cảng biển loại I. Cùng với đó, Chính phủ đề ra nhiệm vụ nghiên cứu chính sách, cơ chế phù hợp để khai thác tiềm năng về điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý của tỉnh Khánh Hòa nhằm từng bước phát triển cảng trung chuyển quốc tế tại cảng Vân Phong. Do cảng biển là một bộ phận quan trọng của kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng hàng hải và được xác định bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và an sinh xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo, tăng cường hợp tác quốc tế về biển, duy trì môi trường hòa bình, ổn định và phát triển là một trong ba khâu đột phá chiến lược. Đây là thế mạnh lớn cho sự phát triển kinh tế biển khu vực miền Trung - Tây Nguyên (Tuyền, 2021).

Ba là, duyên hải miền Trung là địa bàn đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng của nước ta, với vị trí quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển kinh tế

biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII vì nơi đây bao gồm 14 tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận với chiều dài đường bờ biển 1.900 Km, chiếm 50% số tỉnh giáp biển của cả nước (14/28 tỉnh, thành phố), có gần 60% chiều dài bờ biển Việt Nam. Quy mô kinh tế biển, đảo ở miền Trung có sự thay đổi đáng kể, các cực phát triển mới đã được tạo ra do việc phát triển các vùng kinh tế ven biển. Duyên hải miền Trung đóng vai trò là cầu nối quan trọng của các tỉnh Tây Nguyên trong hội nhập vì sở hữu 11/17 vùng kinh tế ven biển của cả nước, thông qua việc kết nối tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Các vùng kinh tế ven biển đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương, cải thiện đời sống của người dân, tạo ra thế và lực mới cho khu vực và cả nước. Miền Trung có vai trò kết nối tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây và còn là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên (Nguyễn, 2021).

Bốn là, hiện nay, các địa phương ven biển miền Trung đều tập trung đông dân số (cả vùng miền Trung khoảng 26.029.877 người năm 2023 theo thống kê của Liên Hiệp Quốc) so với cả nước là 99.508.978 người, với cơ cấu dân số hiện nay có thể đảm bảo được lực lượng lao động dồi dào cho phát triển kinh tế ven biển miền Trung trong hiện tại và tương lai.

Năm là, đây là một trong những vùng biển giàu san hô nhất trong Biển Đông - một nhân tố đóng vai trò quyết định đối với đa dạng sinh học và phát triển nghề cá, là nền tảng cho phát triển kinh tế biển xanh. Bên cạnh đó, biển miền Trung có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển các ngành kinh tế biển như du lịch biển, hàng hải, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, năng lượng, công nghiệp,... do được thiên nhiên ưu đãi, biển miền Trung chiếm phần lớn diện tích vùng biển ven bờ tây và phần trung tâm Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam. Do địa hình thềm lục địa có độ dốc lớn và sâu, các dòng chảy biển khơi bị ép vào gần bờ nên có nhiều loài cá nổi lớn vào theo như cá ngừ sọc dưa, ngừ chấm bò, ngừ chấm,... mà trong môi trường sinh thái biển ven bờ không thể có do vậy biển miền Trung có nhiều lợi thế để phát triển ngành kinh tế đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản. Các vũng, vịnh ven biển miền Trung tương đối kín gió, độ sâu lớn, có tiềm năng và lợi thế rất lớn để phát triển kinh tế hàng hải công nghiệp, logistics gắn với cảng biển và du lịch.

Sáu là, các mỏ khí chuẩn bị đưa vào khai thác nhằm cung cấp, bảo đảm sản lượng khí cho Trung tâm Điện lực miền Trung (Khu kinh tế Chu Lai và Dung Quất), bảo đảm an ninh năng lượng cho Việt Nam tại khu vực mỏ khí Cá Voi Xanh. Đây là dự án khí bổ sung nguồn năng lượng cho miền Nam sau này, lớn nhất tại nước ta, tạo đà cho phát triển công nghiệp hóa dầu ở Việt Nam. Nơi đây, thuận lợi cho việc xây dựng các cảng biển nước sâu, các cảng trung chuyển quy mô lớn như ở Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh), Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa), Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi), Vịnh Hàn (thành phố Đà Nẵng), Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế), Nhơn Hội (tỉnh Bình Định), Vân Phong, vịnh Nha Trang, Cam Ranh (tỉnh Khánh Hòa),... việc được phê duyệt xây dựng hàng loạt cảng nước sâu những năm gần đây đã chứng minh vị thế chiến lược của biển miền Trung trong phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam do với vị trí địa lý cửa mở thông thương ra biển, quan trọng, có nhiều vịnh, vũng sâu. Khu vực này đang có Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, đây là những công trình dầu khí lớn nhất cả nước. Vùng biển miền Trung chiếm 4/7 bồn trũng có tiềm năng dầu khí ở nước ta, có tiềm năng lớn về khai thác, chế biến dầu khí. Từng bước kết nối với chuỗi đô thị ven biển, mô hình chuỗi đô thị đảo bắt đầu hình thành. Nhiều đảo gần bờ có điện lưới, đảo xa bờ có máy phát điện, điện mặt trời và cơ sở cung cấp nước ngọt; thuận lợi cho việc mở rộng không gian kinh tế biển.

Bảy là, với lợi thế về vị trí địa lý, có vẻ đẹp hấp dẫn, độc đáo, các đảo miền Trung được mệnh danh là thiên đường du lịch biển, đảo của Việt Nam. Các đảo ở miền Trung hiện nay chiếm 9% trong tổng số 2.773 hòn đảo của cả nước, với diện tích khoảng 10,8% tổng diện tích các đảo ven bờ Việt Nam (Anh, 2022). Về mặt hành chính, miền Trung có 05 huyện đảo, ngoài 2 huyện đảo xa bờ (Hoàng Sa và Trường Sa), còn có 3 huyện đảo ven bờ là Cồn Cỏ (Quảng Trị), Lý Sơn (Quảng Ngãi) và huyện đảo Phú Quý thuộc tỉnh Bình Thuận. Các đảo thuộc vùng biển miền Trung phần lớn là các đảo nhỏ, nhưng do vị trí không gian và cách sắp xếp rất đặc biệt, các cụm đảo - biển ven bờ kết thành tấm bình phong án ngữ mặt tiền phía đông của đất nước. Mỗi hòn đảo không chỉ là một tiền đồn vững chắc, một cột mốc chủ quyền trong bảo vệ an ninh, chủ

quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, mà còn tạo ra một lợi thế phát triển quan trọng cho các tỉnh miền Trung từ góc nhìn về tính liên kết vùng - miền.

4.2. Về thách thức

Thứ nhất, vấn đề xây dựng và triển khai những quy định về thống nhất về biển, đảo, quản lý tổng hợp vẫn còn lúng túng, thiếu đồng bộ. Việc tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông diễn biến khó lường, phức tạp, tác động đến các lĩnh vực kinh tế biển. Nhận thức chưa toàn diện của một số cấp ủy, chính quyền, các cơ quan có liên quan về phát triển kinh tế biển, thiếu định hướng phát triển trong các kế hoạch chiến lược kinh tế, tính liên kết vùng còn rời rạc, tồn tại hiện tượng mỗi địa phương một kiểu. Tình hình an toàn, an ninh và tự do hàng hải, hàng không trên Biển Đông còn nhiều thách thức lớn (Hoa, 2017).

Thứ hai, hàng năm số lượng cơn bão đổ bộ vào miền Trung ngày càng nhiều, kéo theo mưa lớn, lũ lụt, sạt lở đất và nước biển dâng, quy mô và hậu quả gây ra ngày càng lớn, tác động nghiêm trọng đến vùng. Dọc bờ biển miền Trung bị nhiều thiệt hại vì tình trạng nước biển dâng do bão, triều cường, sóng biển cao, xâm thực sâu làm nhiều đoạn kè bị sóng biển tàn phá đe dọa cơ sở hạ tầng và nhà dân ở bên trong, nhà dân bị đổ sập, khu vực kinh doanh ven biển bị xâm thực,... sau đợt bão, lũ kéo dài ở miền Trung trong tháng 10 và 11. Đợt mưa, bão, lũ kéo dài khiến bờ biển khu vực miền Trung tiếp tục bị xói lở trầm trọng hơn. Hiện có đến 88 vị trí sạt lở với tổng chiều dài hơn 129 Km, riêng các đợt mưa, bão, lũ vừa qua làm gia tăng thêm 20,3 Km bờ biển bị sạt lở. Kinh phí cần để đầu tư khắc phục sạt lở là hơn 12.000 tỷ đồng (Hiệp, 2020a). Hậu quả để lại rất nặng nề do việc kết hợp mục tiêu phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, biến đổi khí hậu trong các quy hoạch phát triển kinh tế biển chưa theo kịp diễn biến phức tạp của thời tiết.

Thứ ba, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vẫn còn một số bất cập, tồn tại, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh mới, như chưa hình thành được hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, các tuyến vận tải có lưu lượng lớn. Bên cạnh đó, hệ thống đường bộ cao tốc chạy dọc ven biển còn thiếu để liên kết các khu kinh tế, khu công nghiệp, các đô thị, sân bay, cảng biển,... Giao thông kết nối vùng, liên vùng, kết nối trục ngang theo hướng Đông - Tây còn hạn chế, một số cảng biển, cảng hàng không khai thác chưa hiệu quả, kết nối đường sắt với các cảng biển chưa được chú trọng, thị phần vận tải chưa hợp lý, chưa phát huy được vai trò quá cảnh hàng hóa, trung chuyển cho khu vực Tây Nguyên.

Thứ tư, do bối cảnh biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, nước biển dâng cao trở thành vấn đề cấp thiết hiện nay. Bên cạnh đó, vấn đề khai thác tài nguyên biển gây ra sự suy giảm nhiều nguồn lợi của biển mà không biết bao giờ mới có thể phục hồi được. Nguồn vốn tự nhiên cho phát triển, tăng trưởng xanh là các hệ sinh thái biển, ven biển và đảo - ở biển miền Trung đang bị xâm phạm, một số hệ sinh thái biển gặp nguy cơ cao. Cùng với sự gia tăng về mức độ ảnh hưởng của bão, lũ do biến đổi khí hậu đối với bờ biển,... nhiều cửa sông ven biển bị ô nhiễm do nước thải từ các khu đô thị, khu công nghiệp thải ra. Môi trường biển đang chịu những thách thức nghiêm trọng khi các địa phương, các cư dân ven biển ngày càng gia tăng các hoạt động kinh tế ven biển.

Thứ năm, dù không mong muốn, thì thảm họa môi trường với hậu quả nhãn tiền và hệ lụy dài lâu đã xảy ra, thiệt hại rất nhiều, rất khó đo lường chính xác. Nhưng bên cạnh thiệt hại, chúng ta thấy rõ nhất là bài học mang tên Formosa. Sau tình trạng cá chết hàng loạt thì môi trường, hệ sinh thái biển các tỉnh bắc miền Trung cũng suy giảm nghiêm trọng. Để các đối tác thiếu tin cậy chiếm lĩnh những vị trí hiểm yếu không được kiểm soát và giám sát, chính là chúng ta đã dọn sẵn đường ngắn nhất để gây nguy hại cho đất nước. Qua bao nhiêu năm mở cửa, hội nhập, kêu gọi đầu tư, chúng ta đạt được nhiều thành quả quan trọng nhưng cũng không ít lần gặp phải những thiệt hại, hậu quả nghiêm trọng cho môi trường, cho đất nước.

Thứ sáu, du lịch được đánh giá rất nhiều tiềm năng trong vùng, nhưng doanh thu từ du lịch chỉ chiếm 18-19% so với cả nước. Thêm vào đó, khu vực này đang phải đối mặt với nhiều thách thức, đó là nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển thấp (tỉ lệ lao động qua đào tạo có cấp

chứng chỉ mới đạt khoảng 22-23%), tình trạng ô nhiễm môi trường biển diễn biến ngày càng trầm trọng, nguồn lợi thủy sản cạn kiệt (Hùng, 2021).

Thứ bảy, năm 2001 quy mô GRDP cả vùng chỉ chiếm khoảng 5% GDP cả nước; đến năm 2019 cũng chỉ chiếm 7,09%, tốc độ tăng rất chậm. Xuất phát điểm của kinh tế vùng kinh tế ven biển miền Trung còn thấp, đóng góp kinh tế của vùng trong nền kinh tế quốc gia chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của vùng. Ngoài ra, các dự án trọng điểm về giao thông liên tỉnh, liên vùng như đường cao tốc Bắc - Nam, đường ven biển, các tuyến quốc lộ kết nối với Tây Nguyên, phát triển các sân bay quốc tế còn chậm triển khai, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của vùng so với các vùng kinh tế phía Bắc và phía Nam (L. Phong, 2022).

5. Giải pháp phát triển vùng kinh tế ven biển miền Trung giai đoạn hiện nay.

Một là, tăng cường đầu tư nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ trong quá trình tổ chức phát triển kinh tế biển vùng ven biển miền Trung. Theo đó, miền Trung đã chú ý trong việc khai thác tiềm năng kinh tế biển, nhưng chỉ dừng lại ở các sản phẩm hữu hình. Do đó, cần xây dựng các khu kinh tế mở hướng vào thị trường khu vực và thế giới. Cần huy động tất cả nguồn lực đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo hướng tiên tiến, hiện đại để tạo nền tảng cho phát triển thực chất hơn kinh tế biển. Các tỉnh, thành miền Trung nên ưu tiên phát triển mạng lưới trung tâm logistics, phát triển năng lượng tái tạo trong tương lai (Hiệp, 2020b).

Hai là, cần thay đổi tư duy, nắm bắt thời cơ, tầm nhìn chiến lược trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế. Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, bảo đảm tính liên kết giữa các ngành kinh tế biển, các địa phương trong vùng theo chủ trương chung của Chính phủ (tapchicongsan.org.vn, 2020). Hoàn chỉnh hành lang pháp lý, nỗ lực hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế biển, phát triển mô hình tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng, năng suất, sức cạnh tranh quốc tế của các ngành kinh tế biển, hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp, thống nhất về biển.

Ba là, các khu bảo tồn biển phần lớn là các bãi giống, bãi đẻ và là nơi cư trú của các loài có giá trị kinh tế cao, cả những loại nguy cấp và đặc hữu. Việc duy trì tính đa dạng của hệ sinh thái và các loài sinh vật biển chính là bảo toàn nguồn vốn tự nhiên, tạo ra sự phát triển ổn định của kinh tế biển. Nên thành lập, quản lý, vận hành và hoàn thiện các khu bảo tồn biển, ven biển và hải đảo, để bảo toàn chức năng sinh thái của vùng biển - nguồn vốn tự nhiên cho phát triển. Nếu làm tốt công tác này là một giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế biển trong tương lai (Nam, 2020).

Bốn là, mỗi tổ chức và cá nhân phải nhận thức được sự cần thiết giảm thiểu các hành vi gây hại đối với tài nguyên và môi trường biển. Cùng với đó là cách ứng xử, đối phó với thiên tai, làm sạch bãi biển, kiểm soát nguồn thải. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và nhân dân về sự cần thiết phải phát triển kinh tế biển, nắm rõ những tiêu chí, phương pháp, cách thức tiếp cận biển của Việt Nam và theo chuẩn quốc tế (Huy, 2016).

Năm là, trong quá trình phát triển, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, nhưng nguồn lực bên trong vẫn là yếu tố quyết định. Một khi ý thức khởi nghiệp, tinh thần tự cường thấm nhuần trong con người chúng ta, thì nguồn lực trong nước được khơi thông, phát huy, chúng ta hoàn toàn chủ động, không phải lệ thuộc vào bên ngoài, không canh cánh nỗi lo mang cái tên Formosa hay những cái tên tương tự. Dù chúng ta cần nguồn vốn để khai thác tiềm năng, giải quyết bài toán công ăn việc làm và tăng trưởng, nhưng phải kiên quyết từ chối những dự án công nghiệp nặng tiêu tốn điện năng, công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ hủy hoại môi trường, cản trở với những dự án tiến hành ở những khu vực hiểm yếu, nơi biên giới, cảng biển,...

Sáu là, gắn phát triển kinh tế biển với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái biển trong mọi hoạt động. Tập trung phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn như phát triển du lịch biển theo hướng du lịch sinh thái, có các cảng biển nước sâu trung chuyển quốc tế, cảng biển chuyên dụng gắn với các khu liên hợp công nghiệp, khai thác, chế biến dầu khí, nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá, phát triển năng lượng tái tạo,... làm cho miền Trung trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của cả nước. Xây dựng hệ thống quan

trắc, đánh giá mức độ gây ô nhiễm từ các hoạt động kinh tế để xử lý kịp thời, quản lý tốt nguồn rác thải ra biển, nhất là rác thải nhựa (Đức, 2019).

Bây là, tăng cường công tác quản lý rừng ngập mặn khu vực cửa sông, các dải cồn cát ven biển, các công trình bảo vệ bờ hiện có, tổ chức giám sát, cập nhật các vị trí sạt lở để kịp thời cảnh báo, hướng dẫn người dân di dời ra khỏi khu vực sạt lở,... Nghiên cứu, dự báo mưa lớn bằng mô hình số, xây dựng bản đồ WebGis (giải pháp cho phép quản lý, phân tích, thông tin bản đồ trên mạng Internet), các ứng dụng cảnh báo sớm động đất, sóng thần,... cho tàu thuyền và nhân dân sinh sống, làm việc trên các vùng biển, ven biển và hải đảo (Son, Hoàng, & Phái, 2002). Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai và nước biển dâng như ứng dụng thiết bị bay không người lái vào hoạt động giám sát, thu thập dữ liệu, xây dựng bản đồ 3D trực quan, chi tiết khu vực bị ảnh hưởng hoặc các khu vực rủi ro cao về lũ quét, sạt lở đất (Tùng, 2022).

Tám là, chú trọng các dự án kinh tế lớn (đặc biệt là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài) nhưng không làm ảnh hưởng đến quốc phòng - an ninh trên biển, không gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, nhất là ở những địa bàn có vị trí chiến lược. Cần có sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành chức năng trong việc quy hoạch, kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện các dự án, bảo đảm tính hiệu quả cả về kinh tế, xã hội và môi trường đối với các dự án. Tạo mọi điều kiện để ngư dân vươn khơi, bám biển, góp phần phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và chủ quyền quốc gia trên biển. (Đông, 2022).

6. Kết luận

Hội nghị toàn quốc triển khai Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng xác định rất rõ mục tiêu tổng quát và một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, đề ra đầy đủ, đồng bộ các giải pháp, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới. Cụ thể, đến năm 2030, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ phần đầu là vùng phát triển năng động, nhanh và mạnh kinh tế biển, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ có khả năng phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Vùng sẽ có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực, là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và Lào. Giá trị văn hóa, lịch sử, hệ sinh thái biển, đảo, rừng được nâng cao. Qua phân tích thực trạng vùng kinh tế ven biển miền Trung thời gian qua, ta thấy được vùng đang có lợi thế lớn để phát triển kinh tế biển, tạo tiền đề cho sự bứt phá về kinh tế - xã hội trong toàn vùng. Chúng ta cần phát huy lợi thế, khắc phục khó khăn, thách thức, thay đổi tư duy và tầm nhìn, đổi mới cơ chế, chính sách và cách thức tiếp cận, vùng ven biển miền Trung được kỳ vọng sẽ có sự thay đổi mạnh mẽ trong tương lai. Qua bài tạp chí này sẽ mang đến một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế ven biển miền Trung trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Anh, N. D. (2022). Một số giải pháp liên kết vùng nhằm khơi thông nguồn lực phát triển kinh tế-xã hội các tỉnh miền Trung. *Tạp chí tài chính online*.

[2] Anh, N. T. (2022). Tiềm năng, cơ hội, thách thức trong phát triển bền vững kinh tế biển miền Trung hiện nay. *Tạp Chí Cộng Sản*.

[3] Đông, N. T. T. (2022). Giải pháp phát triển du lịch vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. *Công thông tin điện tử Thành phố Đà Nẵng*.

[4] Đức, Đ. Đ. (2019). PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG. *Hue University Journal of Science: Economics and Development*, 128(5A), 33-49-33-49.

[5] Dũng, T. (2022). Miền Trung sẽ phát triển mạnh kinh tế biển. *Người Lao Động*.

[6] Hà, Đ. T. (2021). Đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản tại vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung. *Tạp Chí Kinh tế và Dự báo*.

[7] Hiệp, H. (2020a). Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ bờ và môi trường biển. *Đà Nẵng Online*.

- [8] Hiệp, H. (2020b). Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ bờ và môi trường biển.
- [9] Hòa, H. H. (2022). Phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: Thực trạng và khuyến nghị chính sách. *Tạp Chí Cộng Sản*.
- [10] Hoa, X. Q. (2017). *Kinh tế biển các tỉnh Duyên hải miền Trung ở Việt Nam*. Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- [11] Hùng, N. Q. (2021). Phát triển kinh tế biển xanh ở các tỉnh miền Trung: Kinh tế biển miền Trung - Tiềm năng và thách thức. *Tài nguyên và Môi trường*.
- [12] Hương, T. T. T. (2018). Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ-Duyên hải miền Trung. *Tạp chí Chính sách và Thị trường tiền tệ*.
- [13] Huy, Q. (2016). Làm gì để phát triển bền vững kinh tế biển? *BNEWS*.
- [14] Nam, H. (2020). Bảo tồn biển Việt Nam: Giải pháp để phát triển bền vững kinh tế biển. *Vietnamplus.vn*.
- [15] Ngọc, T. Đ. (2022). Phát huy vị thế, tiềm năng vùng ven biển miền Trung trong chiến lược bảo vệ Tô quốc hiện nay. *Tạp Chí Cộng Sản*.
- [16] Nguyên, B. (2021). Tạo đột phá để phát triển bền vững kinh tế biển miền Trung. *Biên Phòng*.
- [17] Phong, L. (2022). Kinh tế trọng điểm miền Trung: Kỳ vọng lớn, hiệu quả chưa cao. *Vietnamnet*.
- [18] Phong, T. (2022). Phát triển kinh tế biển miền Trung nhanh, bền vững. *Báo Điện tử Chính phủ*.
- [19] Phương, P. (2022). Cao tốc Bắc-Nam: Quyết tâm đến năm 2025 hoàn thành 3.000km đường. *Vietnamplus.vn*.
- [20] Q.Đ. (2022). Miền Trung cần phát triển mạnh kinh tế biển. *Công thông tin đối ngoại Vietnam.vn*.
- [21] Sơn, P. Q., Hoàng, N., & Phái, V. V. (2002). Bàn về vấn đề hành lang thoát lũ ở ven biển miền Trung Việt Nam. *VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology*, 18(4).
- [22] tapchicongsan.org.vn, T. (2020). Phát triển kinh tế biển Việt Nam - Tiềm năng và thách thức. *Bộ Thông Tin và Truyền Thông*.
- [23] Thung, Đ. (2023). Kinh tế biển Miền Trung: Đánh thức nội lực phát triển. *Thủy Sản Vietnam*.
- [24] Tính, Đ. V. (2021). Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. *Tạp Chí Công Thương*.
- [25] Trinh, N. T. T. (2019). Tăng cường liên kết vùng để phát triển kinh tế biển miền Trung. *Báo điện tử Vietnamnet*.
- [26] Tùng, P. T. (2022). Đề đô thị miền Trung phát triển bền vững. *Tạp Chí Điện tử của Bộ xây dựng*.
- [27] Tuyên, T. (2021). Phát triển kinh tế biển: Cơ hội và thách thức. *Báo điện tử VTC NEWS*.
- [28] Văn, H. (2023). Quyết tâm đến 2025, miền Trung có thêm 1.390 km cao tốc, hoàn thành. *Công thông tin điện tử Chính phủ*.